

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2019/DS-PT

Ngày: 20-6-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Kim Khánh

2. Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2019/DS-PT ngày 09/4/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2019/QĐ-PT ngày 25/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc T2 - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lê Văn C; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2. Ông Trần Công H và bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày có nội dung như sau:

Vào ngày 22/12/2016, bà Trần Thị Ngọc T2 có vay của bà Hoàng Thị T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập “Giấy vay tiền” đề ngày 22/12/2016, thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2016, lãi suất thỏa thuận miệng theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định. Đến thời hạn theo thỏa thuận, bà T2 đã không trả tiền cho bà T, nên ngày 16/01/2017 bà T đến nhà bà T2 yêu cầu trả nợ, thì bố mẹ của bà T2 là ông Trần Công H và bà Nguyễn Thị N đã trả cho bà T được số tiền là 50.000.000 đồng gốc, sau đó bà T2 đã viết vào dưới giấy vay tiền, với nội dung số tiền 50.000.000 đồng còn lại hẹn đến ngày 16/01/2018 sẽ trả. Tuy nhiên cho đến nay bà T2 vẫn chưa số tiền còn nợ, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc T2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 16/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 trình bày có nội dung như sau:

Bà T2 thừa nhận vào ngày 22/12/2016, bà T2 có vay của bà Hoàng Thị T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2016. Tuy nhiên đến hạn trả nợ do khó khăn, nên đã không trả được tiền cho bà T. Đến ngày 16/01/2017 thì bố mẹ bà T2 là ông Trần Công H và bà Nguyễn Thị N đã thanh toán cho bà T được số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng bà T2 hẹn đến ngày 16/01/2018 sẽ trả tiếp. Nhưng do khó khăn, làm ăn thua lỗ nên cho đến nay vẫn chưa trả được nợ. Việc bà T khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, thì bà T2 đồng ý sẽ trả nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn không có khả năng trả một lần, nên xin được trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đồng thời tại giấy vay tiền bà T2 cũng chỉ thỏa thuận là đến ngày 16/01/2018 sẽ trả tiếp chứ không thỏa thuận là trả hết. Đối với yêu cầu về tiền lãi suất, thì bà T2 không đồng ý trả vì bà T tính lãi suất quá cao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày có nội dung như sau: Ông Lê Văn C là chồng của bà Hoàng Thị T, về số tiền bà T2 vay của bà T thì ông C có biết nhưng không có liên quan đến số tiền vay, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Công H và bà Nguyễn Thị N trình bày có nội dung như sau: Ông H và bà N là cha mẹ ruột của bà Trần Thị Ngọc T2. Vào ngày 16/01/2017, ông H và bà N có tự nguyện trả cho bà Hoàng Thị T 50.000.000 đồng thay cho con gái là Trần Thị Ngọc T2, còn cụ thể việc vay mượn tiền giữa chị T2 và bà Hoàng Thị T như thế nào thì ông H và bà N không biết, không liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

1. Buộc bà Trần Thị Ngọc T2 có nghĩa vụ phải trả cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 70.400.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 20.400.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Ngọc T2 phải chịu 3.520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004838 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/3/2019 bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bà T2 không đồng ý trả lãi suất của số tiền gốc 50.000.000 đồng theo như bản án sơ thẩm đã tuyên và xin trả dần số tiền gốc 50.000.000 đồng còn nợ, cụ thể mỗi năm trả 5.000.000 đồng.

Tại đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/4/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị T có yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể: Bà T chưa yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T2 phải trả lãi suất của khoản nợ gốc 50.000.000 đồng và giữ yêu cầu buộc bà T2 phải trả khoản nợ gốc là 50.000.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 đã thừa nhận hiện còn nợ bà Hoàng Thị T và xin trả dần nhưng bà T không đồng ý, nên bản án sơ thẩm buộc bà T2 phải trả cho bà T số tiền vay gốc 50.000.000 đồng là đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn xin trả dần là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa

phúc thẩm nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện về rút phần lãi suất, là tự nguyện nên cần chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 về việc xin trả dần nợ gốc, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về việc buộc bà T2 trả toàn bộ số tiền gốc 50.000.000 đồng cho bà T; sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất do nguyên đơn chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về phần nợ gốc: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 thừa nhận có vay của bà Hoàng Thị T số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 22/12/2016, sau đó cha mẹ bà T2 đã trả thay được 50.000.000 đồng và hiện nay bà T2 còn nợ bà T số tiền gốc là 50.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, đồng thời theo giấy vay thì chỉ hứa đến ngày 16/01/2018 sẽ trả tiếp chứ không cam kết phải trả hết 50.000.000 đồng, do đó bà T2 không đồng ý trả một lần số tiền con nợ. Tuy nhiên, tại “Giấy vay tiền” ngày 22/12/2016, do nguyên đơn bà Hoàng Thị T cung cấp thể hiện nội dung bà Trần Thị Ngọc T2 có vay của bà T số tiền là 100.000.000 đồng, đến ngày 16/01/2017, bố mẹ bà T2 là ông Trần Công H và bà Nguyễn Thị N đã thanh toán cho bà T được số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T2 đã cam kết và hẹn đến ngày 16/01/2018 trả tiếp. Như vậy, có đủ cơ sở xác định, bà T2 có vay và tính đến ngày 16/01/2017 còn nợ bà T số tiền gốc là 50.000.000 đồng, bà T2 hẹn đến ngày 16/01/2018 sẽ trả nhưng sau đó không trả được tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết. Do đó, bà T khởi kiện và bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, buộc bà T2 phải trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, là có căn cứ và đúng pháp luật. Bà T2 kháng cáo xin được trả dần số tiền còn nợ nhưng bà T không đồng ý, nên kháng cáo của bà T2 là không có căn cứ chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần buộc bà T2 phải trả cho bà T khoản nợ gốc là 50.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Về phần lãi suất: Tại đơn thay đổi, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/4/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị T có yêu

cầu thay đổi nội dung khởi kiện, với nội dung chưa yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T2 phải trả lãi suất của khoản nợ gốc 50.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn bà Hoàng Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chưa yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất theo hướng do nguyên đơn chưa yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch vay tiền giữa bà Hoàng Thị T và bà Trần Thị Ngọc T2 được xác lập, thực hiện vào ngày 22/12/2016 và có tranh chấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) để giải quyết là không đúng, nên cấp phúc thẩm cần sửa lại về điều luật áp dụng cho đúng và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính toán lại, cụ thể: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kết từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng: Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T2 về việc xin trả dần số tiền nợ gốc, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về phần nợ gốc và sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất do nguyên đơn chưa yêu cầu.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

1. Buộc bà Trần Thị Ngọc T2 có nghĩa vụ phải trả cho bà Hoàng Thị T số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất: Do nguyên đơn bà Hoàng Thị T chưa yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Ngọc T2 phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004838 ngày 13/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc T2 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà T2 đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010063 ngày 07/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

-TAND huyện Krông Búk;

- CCTHADS huyện K;

- Các đương sự;

-.....

-Lưu.

(Đã ký)

Trương Công Bình